

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ - ST

Ngày 23/5/2024

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành

Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Ninh và ông Hoàng Quốc Trị

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/5/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện K, tỉnh H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 7, xã L, huyện V, tỉnh N (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30 tháng 10 năm 2023, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Giữa chị Bùi Thị H và bị đơn là anh Trần Văn T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại xã L, huyện V, tỉnh N. Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn T chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh Thi không tu trí làm ăn phát triển kinh tế, thường xuyên chơi bời bạn bè không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được

gia đình hai bên nội, ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm S, xã H, huyện K, tỉnh H để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho tới nay. Chị H thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung chị Bùi Thị H trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Trần Văn D, sinh ngày 11/7/2012; cháu nhỏ là Trần Văn K, sinh ngày 13/12/2017. Từ khi ly thân chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K, còn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D. Nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cháu Trần Văn K cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn anh Trần Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Văn D, các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại văn bản bị đơn là anh Trần Văn T gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Về tình trạng hôn nhân anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H ngoại tình, kinh tế gia đình khó khăn, trong lúc nóng giận anh có đánh chị H và chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm S, xã H, huyện K, tỉnh H để ở, nhưng anh bỏ qua tất cả để vợ chồng quay về cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vì vậy, anh Trần Văn T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Trần Văn T thừa nhận về số con chung như chị H đã trình bày. Hiện nay anh đang nuôi một cháu và chị H nuôi một cháu.

Về quan hệ tài sản vợ chồng đã tự phân chia. Do vậy, anh T không có quan điểm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, quan hệ tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Văn T;

Về con chung: Giao cháu Trần Văn K, sinh ngày 13/12/2017 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho tới khi cháu

đủ 18 tuổi; Giao cháu Trần Văn D, sinh ngày 11/7/2012 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho tới khi cháu đủ 18 tuổi; Chị H và anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T; anh Trần Văn T có nơi cư trú tại xã L, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn T đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh N vào ngày 28 tháng 12 năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh Th nghi ngờ chị H đi ngoại tình dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không được hàn gắn. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2023 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Việc anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Không tham gia các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức, các ngày xét xử đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc anh T không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài thời gian, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận. Điều này phù hợp với biên bản thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T do UBND xã L cung cấp. Điều đó chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H.

**[3] Về quan hệ con chung:** Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn T có hai con chung cháu lớn là Trần Văn D, sinh ngày 11/7/2012; cháu nhỏ là Trần Văn K, sinh ngày 13/12/2017. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có hai con chung cháu D đã trên bảy tuổi, cháu K chưa đủ bảy tuổi. Chị H và anh T đều là người lao động tự do, có thu nhập, nhưng nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Trần Văn K do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, còn cháu Trần Văn D do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đều đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, cần giao cháu Trần Văn K cho chị Bùi Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cần giao cháu Trần Văn D cho anh Trần Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Văn D và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

**[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung:**

Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

**[5] Về án phí:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn T được ly hôn;

**2. Về con chung:**

Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Văn K, sinh ngày 13/12/2017;

Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Văn D, sinh ngày 11/7/2012;

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 23/5/2024 cho tới khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T và chị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

**3. Về án phí:** Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000871 ngày 16/11/2023.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thiện Thành**